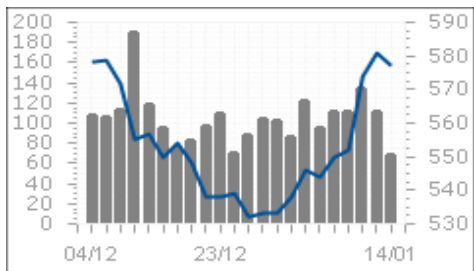


HOSE

14/01/2015

VNINDEX	577.01	-3.59	-0.62%
KLGD	108,938,080	CP	
GTGD	1,979.98	Tỷ	
GTR NDTNN	51.19	Tỷ	
CP Tăng giá	101	CP	
CP Giảm giá	108	CP	
CP Đứng giá	95	CP	



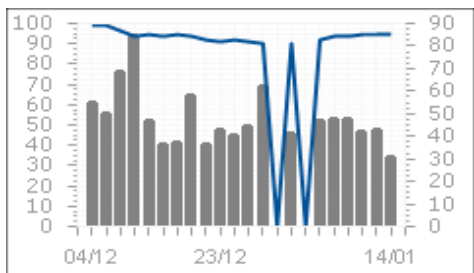
Tâm điểm

- ▶ **Áp lực chốt lời trên diện rộng tạo sức ép lên các cổ phiếu**
- ▶ **Thanh khoản gia tăng nhẹ so với phiên hôm qua**
 NĐT Nước ngoài quay trở lại mua ròng trên cả 2 sàn
- ▶ **Không điều chỉnh thời gian áp dụng thông tư 36**
 Lộ trình thực hiện thông tư này vẫn giữ nguyên, bắt đầu từ ngày 1/2/2015
 Vneconomy
- ▶ **EVN kiến nghị bổ sung chi phí vào giá điện.**
 Tổng giám đốc EVN nêu việc xử lý khoản lỗ gần 17.000 tỉ
 Tuổi trẻ
- ▶ **World Bank giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP 2015 của Việt Nam ở 5,6%**
 WB công bố báo cáo Triển vọng Kinh tế toàn cầu (GEP) ngày 13/1
 World Bank
- ▶ **TKV đạt 106.000 tỷ doanh thu năm 2014**
 TKV tiếp tục triển khai tích cực Đề án đổi mới, tái cơ cấu
 Vietstock
- ▶ **CII sẽ bán 30 triệu cp CII B&R và 1 triệu trái phiếu**
 CII đã tổ chức buổi ký kết hợp đồng với Metro Pacific Tollways Corporation
 Vietstock

HNX

14/1/2015

HNXINDEX	84.86	-0.32	-0.38%
KLGD	52,144,216	CP	
GTGD	621.59	Tỷ	
GTR NDTNN	0.34	Tỷ	
CP Tăng giá	83	CP	
CP Giảm giá	93	CP	
CP Đứng giá	203	CP	



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,042,325	14.0	2.8	18.2%	9.4%
HNX	140,759	13.5	1.8	8.9%	4.2%
Toàn bộ thị trường	1,183,084	14.3	2.7	18.0%	9.0%

Theo ngành

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Nhựa, cao su & sợi	6,772	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Thép và sản phẩm thép	22,292	9.6	1.6	17.0%	10.6%
Khai khoáng	37,339	12.7	2.0	22.9%	10.9%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	12,433	96.2	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng	26,833	14.9	1.6	13.2%	7.3%
Máy công nghiệp	32,531	26.7	1.1	2.0%	2.4%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,703	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Lốp xe	10,688	8.4	1.5	18.6%	13.6%
Nuôi trồng nông & hải sản	8,154	10.5	2.7	25.5%	11.0%
Thực phẩm	23,055	11.0	2.2	22.8%	7.6%
Dược phẩm	190,384	24.5	4.6	18.5%	14.3%
Phần mềm	15,514	12.3	2.8	22.3%	14.7%
Sản xuất & phân phối điện	17,016	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	29,860	10.4	1.5	15.8%	7.2%
Bảo hiểm nhân thọ	155,524	12.7	4.1	32.4%	22.0%
Môi giới chứng khoán	24,293	19.3	2.0	10.4%	2.2%
Ngân hàng	25,685	10.6	1.4	11.0%	7.4%
Bất động sản	276,527	13.1	1.5	10.3%	0.9%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	158,015	15.5	2.5	17.8%	4.6%
	33,308	7.5	1.6	21.9%	9.2%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30	616.84	-2.55	-0.41%
HNX30	165.01	-0.75	-0.45%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

VietinBankSc

306 Ba Triệu
 Hai Ba Trưng
 Hanoi
 Vietnam
 Tel: (844) 3974 7952
 Fax: (844) 3974 1760
www.vietinbanksc.com.vn

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

Không điều chỉnh thời gian áp dụng thông tư 36

EVN kiến nghị bổ sung chi phí vào giá điện.

World Bank giữ nguyên dự báo tăng trưởng GDP 2015 của Việt Nam ở 5,6%

Trịnh Thị Thu Phương

thuphuong@vietinbanksc.com.vn

TKV đạt 106.000 tỷ doanh thu năm 2014

CII sẽ bán 30 triệu cp CII B&R và 1 triệu trái phiếu

NSC: Lãi ròng 2014 công ty mẹ hơn 121 tỷ đồng

► Tin kinh tế

Lãnh đạo cao cấp chuyên trách của Ngân hàng Nhà nước cho biết cơ quan này sẽ không điều chỉnh nội dung, không lùi việc thực hiện Thông tư 36 về các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động các tổ chức tín dụng. Như vậy, lộ trình thực hiện thông tư này vẫn giữ nguyên, bắt đầu từ ngày 1/2/2015, tức chỉ còn nửa tháng nữa. Thông tư 36 là chính sách mới của Ngân hàng Nhà nước, quy định các giới hạn, tỷ lệ an toàn trong hoạt động của các tổ chức tín dụng theo hướng chặt chẽ hơn, tiếp cận tốt hơn các chuẩn mực quốc tế.

Ông Phạm Lê Thanh, Tổng giám đốc EVN nêu việc xử lý khoản lỗ gần 17.000 tỉ đồng trong năm 2015 là thách thức lớn. Số lỗ của EVN tiếp tục phát sinh do trong năm 2014, giá than bán cho điện tăng 2 lần; cùng với đó, giá khí trên bao tiêu, phí môi trường rừng, thuế tài nguyên nước... đều tăng mạnh. Tổng chi phí tăng khoảng 8.000 tỉ đồng mà chưa được đưa vào cân đối trong giá điện hiện hành. EVN kiến nghị Bộ Công thương bổ sung các chi phí này vào giá điện năm 2015. Chi phí của ngành điện là một trong hai nội dung quan trọng dự kiến sẽ được Tổ điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ thảo luận vào cuối tháng này, trước khi báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế toàn cầu (GEP) công bố ngày 13/1, Ngân hàng Thế giới (WB) vẫn dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam đạt 5,6% trong năm 2015, cùng tốc độ với năm 2014. Tuy nhiên, WB cho rằng, tốc độ tăng trưởng của kinh tế Việt Nam sẽ cải thiện hơn trong 2 năm tới khi dự báo tăng trưởng GDP Việt Nam sẽ đạt 5,8% trong năm 2016 và 6% trong năm 2017. Cũng theo dự báo của WB, tăng trưởng của khu vực Đông Á và Thái Bình Dương sẽ giảm từ mức ước tính 6,9% của năm 2014 xuống 6,7% trong năm 2015 và sẽ tiếp tục tăng trưởng ở tốc độ này trong 2 năm tiếp theo.

► Tin doanh nghiệp

Tập đoàn Than Khoáng sản Việt Nam (TKV) năm 2014, đạt doanh thu 106.000 tỷ đồng. Sản lượng than nguyên khai đạt 37,5 triệu tấn, than tiêu thụ 35,5 triệu tấn - cung cấp đủ sản lượng than, điện và khoáng sản... để phục vụ nhu cầu sản xuất cho các ngành công nghiệp mũi nhọn của nền kinh tế quốc dân. TKV tiếp tục triển khai tích cực Đề án đổi mới, tái cơ cấu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 314. Tập đoàn cũng đã phát hành thành công 3.000 tỷ đồng trái phiếu. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính TKV đặt ra trong năm 2015 là: tổng doanh thu 114.006 tỷ đồng, lợi nhuận 1.500 tỷ đồng, than tiêu thụ 38 triệu tấn, tiền lương bình quân 8,7 triệu đồng/người/tháng...

CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh đã tổ chức buổi ký kết hợp đồng mua cổ phần và hợp đồng đặt mua trái phiếu với Metro Pacific Tollways Corporation, theo đó: CII sẽ chuyển nhượng 30 triệu cp tại CTCP Đầu tư Cầu đường CII - CII B&R (HOSE:LGC), đồng thời phát hành 1,020,000 trái phiếu có bảo đảm thanh toán bằng tài sản tài chính cho MPTC với tổng giá trị cả thương vụ đạt 1950 tỷ đồng. Ông Lê Quốc Bình, Tổng Giám đốc CII cho biết CII vẫn sẽ duy trì tỷ lệ nắm giữ tại CII Bridge & Road ở mức 51%.

HDQT CTCP Giống cây trồng Trung ương (HOSE: mã NSC) đã thông qua kết quả kinh doanh năm 2014: công ty mẹ với doanh thu 681 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hơn 121 tỷ đồng, EPS là 9,695 đồng. Bên cạnh đó, HDQT cũng thông kế hoạch 2015 với doanh thu 780 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế 150 tỷ đồng, EPS tương ứng 10,000 đồng và cổ tức tiền mặt 30%. Thời gian tới SSC cũng sẽ tiếp tục đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại CTCP Giống cây trồng miền Nam (HOSE: mã SSC).

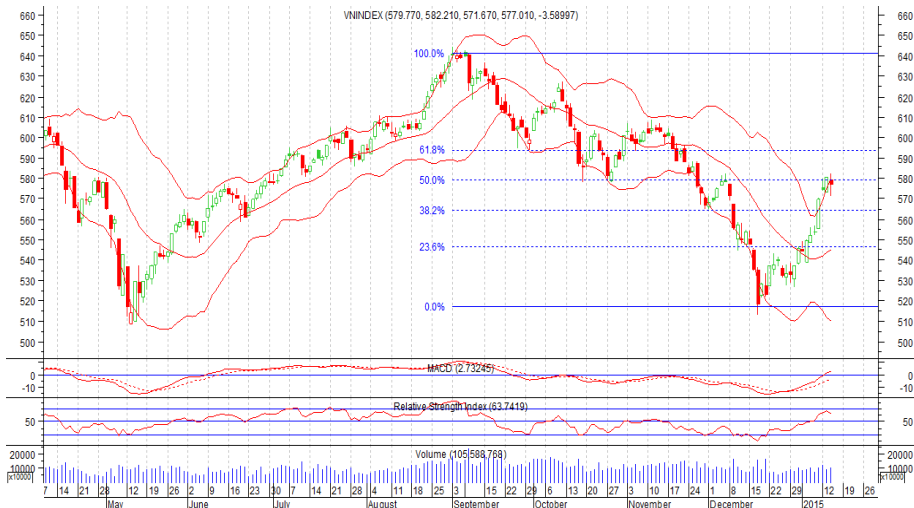
HOSE 14/01/2015 VNINDEX 577.01 -3.59 -0.62% 108,938,080 CP 1,979.98 bil VND

Áp lực chốt lời trên diện rộng tạo sức ép lên các cổ phiếu

- Vn-Index giảm 3.59đ (-0.62%) xuống mức 577.01 điểm. Mẫu hình nến Harami hình thành cho thấy đà tăng đang suy yếu dần. Dải Bollinger Band tiếp tục mở rộng, đường giá vẫn nằm phía trên của dải. Khối lượng có sự gia tăng so với phiên hôm qua.

- MACD vượt qua đường zezo và vẫn tiếp tục tăng mạnh, tuy nhiên RSI đã sụt giảm.

- Vn-Index đã suy yếu khi vào vùng kháng cự 580, khả năng sẽ tiếp tục test tại ngưỡng này trong phiên ngày mai.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	0.1 (0.9%)	7,911,440
VHG	0.8 (6.7%)	6,065,720
OGC	-0.2 (-3.1%)	4,583,850
CII	0.8 (4.2%)	4,412,430
HAG	0.1 (0.4%)	4,065,820

HOSE Top 5 theo % tăng

COM	2.3 (6.8%)	10
TV1	0.9 (6.8%)	10
PTC	0.6 (6.7%)	10,160
TAC	3 (6.7%)	2,880
VHG	0.8 (6.7%)	6,065,720

HOSE Top 5 theo % giảm

TDH	-2.4 (-12.1%)	205,950
HLA	-0.1 (-7.7%)	1,559,530
PNC	-0.8 (-6.8%)	270
PDN	-2.4 (-6.5%)	90
NVN	-0.2 (-6.5%)	3,000

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

HVG	29,1 tỷ	1,296,650
VCB	28,1 tỷ	753,500
MWG	17,7 tỷ	151,860
PPC	6,9 tỷ	254,650
MSN	5,0 tỷ	58,310

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

PVD	-19,4 tỷ	321,200
DXG	-6,6 tỷ	459,220
GAS	-5,9 tỷ	75,890
KDC	-5,5 tỷ	113,980
BVH	-4,3 tỷ	124,000

GD NDTNN KL Ròng GT Ròng (tỷ)

HOSE	1,323,220	51.19
------	-----------	-------

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ 1. Diễn biến thị trường: Sau ít phút le lối sắc xanh đầu giờ sáng, VN-Index bắt đầu điều chỉnh mạnh giữa phiên và đà giảm đã thu hẹp lại vào cuối phiên chiều.
- ▶ Toàn sàn có 103 mã tăng giá, 72 mã đứng giá, 108 mã giảm giá: VCB tăng 400 đồng; VIC đứng giá tham chiếu; GAS giảm 3.000 đồng, VNM giảm 1.000 đồng...
- ▶ Thanh khoản gia tăng nhẹ so với hôm qua và ở mức cao với gần 109 triệu đơn vị, giá trị gần 1.980 tỷ đồng. FLC dẫn đầu với 7,91 triệu cổ phiếu, tiếp đó là VHG...
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: NĐTNN mua ròng trên HOSE với gần 51.2 tỷ giá trị. Mua nhiều ở các mã HVG, VCB, MWG... và bán nhiều ở mã PVD, DXG...
- ▶ 3. Nhận định: Ngắn hạn có thể xem xét giảm dần tỷ trọng cổ phiếu, dài hạn có thể tiếp tục duy trì nắm giữ, mua dần trong những phiên điều chỉnh

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	77.5	146,862.50	13.0	4.2	33.0%	22.6%
VNM	1,000.1	101.0	101,011.98	17.2	5.5	31.8%	24.8%
VCB	2,665.0	37.4	99,671.76	21.6	2.3	10.5%	0.9%
VIC	1,454.6	47.1	68,509.55	17.7	3.7	21.1%	4.6%
MSN	735.8	85.0	62,543.69	- 494.6	4.4	-0.9%	-0.3%
CTG	3,723.4	15.4	57,340.43	10.1	1.0	8.8%	0.8%
BID	2,811.2	16.3	45,822.60	9.8	1.4	13.6%	0.8%
HPG	481.9	54.0	26,023.04	8.2	2.3	30.2%	14.7%
BVH	680.5	34.6	23,544.31	19.3	2.0	10.4%	2.2%
STB	1,142.5	18.5	21,136.46	8.9	1.2	14.3%	1.4%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
TTF	100.1	10.9	1,090.73	14.1	1.0	NA	TH.DOI
HBC	53.4	15.2	811.62	22.5	0.9	NA	TH.DOI
CII	186.8	19.7	3,679.07	7.1	1.4	NA	TH.DOI
BMP	45.5	77.0	3,501.84	9.8	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	11.4	692.55	5.9	0.7	NA	TH.DOI
FDC	27.6	20.9	577.05	1.8	0.9	NA	TH.DOI

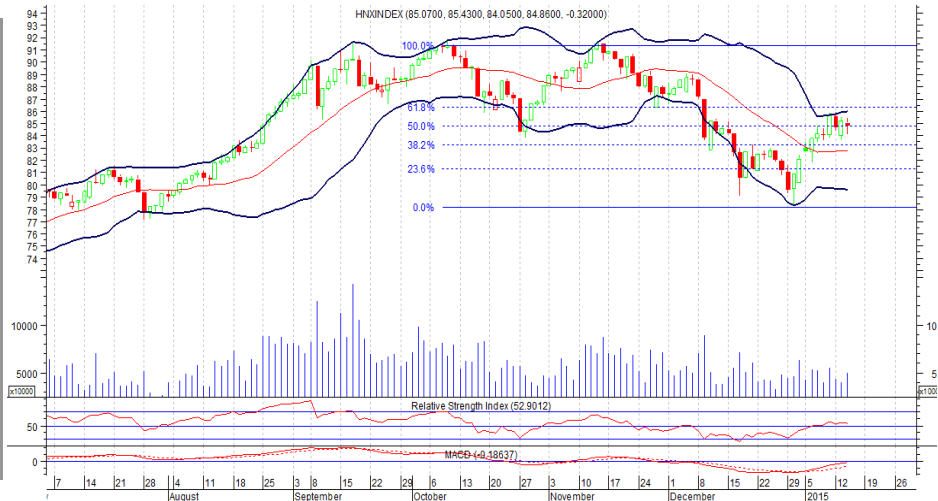
HNX 14/01/2015 HNX-Index 84.86 -0.32 -0.38% 52,144,216 CP 621.59 bil. VND

Áp lực chốt lời trên diện rộng tạo sức ép lên các cổ phiếu

-Chỉ số HNX-Index giảm 0.32 điểm (-0.38%), đóng cửa tại mốc 85.18 điểm. Mẫu hình nến Harami hình thành cho thấy đà tăng đang suy yếu. Giá đã đi xuống dưới dải Bollinger band cho thấy khả năng HNX-Index sẽ tiếp tục điều chỉnh trong ngắn hạn.

- MACD tiếp tục tăng và gần như cắt đường zezo, tuy nhiên chỉ số RSI giảm.

- HNX-Index suy yếu khi tiến đến gần vùng kháng cự. Khả năng sẽ tiếp tục dao động ở mức này để chờ đợi một lực cầu đủ mạnh mới có thể break out qua ngưỡng kháng cự.



HNX Top 5 theo KLGD

KLF	0.3 (2.8%)	11,940,580
SCR	0.2 (2.2%)	5,961,300
SHB	-0.2 (-2.2%)	4,914,360
PVX	0.1 (2.0%)	2,807,420
HUT	-0.2 (-1.3%)	2,343,520

HNX Top 5 theo % tăng

HTP	0.8 (11.0%)	-
CSC	1.4 (9.9%)	2,510
CTA	0.4 (9.8%)	400
BVG	0.2 (9.5%)	6,100
CTN	0.5 (9.1%)	200

HNX Top 5 theo % giảm

SVN	-0.4 (-10.0%)	2,300
VNF	-4.9 (-10.0%)	5,800
TV3	-2.6 (-9.8%)	7,400
HCT	-1.3 (-9.7%)	1,900
PIV	-0.7 (-9.5%)	3,300

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

VCG	1,0 tỷ	75,000
BVS	0,8 tỷ	55,600
SD9	0,6 tỷ	40,200
TCT	0,2 tỷ	3,000
IVS	0,1 tỷ	10,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-1,6 tỷ	60,100
KSQ	-0,8 tỷ	72,300
LAS	-0,6 tỷ	16,300
HNM	-0,1 tỷ	4,600
ITQ	0,0 tỷ	2,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	62,600	0.34

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ 1. Diễn biến thị trường: HNX-Index sau thời gian ngắn tăng điểm đầu phiên đã điều chỉnh giảm sâu, tuy nhiên đà giảm đã được thu hẹp vào cuối phiên chiều.
- ▶ Cổ phiếu dầu khí, bất động sản ghi điểm: PVS tăng 600 đồng; SCR, VCG tăng 200 đồng... Nhóm ngân hàng, chứng khoán giảm giá: KLS giảm 100 đồng...
- ▶ Thanh khoản dừng ở mức trung bình đạt hơn 52,1 triệu đơn vị, giá trị 621,59 tỷ đồng. KLF dẫn đầu với 11,9 triệu đơn vị, tiếp đó là SCR với 6 triệu đơn vị
- ▶ 2. Giao dịch khối ngoại: : NĐTNN mua ròng trên HNX với hơn 335 triệu đồng. Bán nhiều ở các mã PVS, KSQ... Mua nhiều các mã VCG, BVS...
- ▶ 3. Nhận định: Ngắn hạn có thể xem xét giảm dần tỷ trọng cổ phiếu, dài hạn có thể tiếp tục duy trì nắm giữ, mua dần trong những phiên điều chỉnh

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	16.2	14,738.44	27.1	1.2	4.4%	0.3%
PVS	446.7	26.8	11,971.57	7.3	1.4	19.6%	6.6%
SQC	107.3	80.0	8,583.92	- 69.5	8.5	-10.4%	-8.0%
SHB	886.1	8.8	7,797.53	9.6	0.8	7.7%	0.6%
VCG	441.7	12.8	5,653.90	8.4	1.0	11.8%	2.9%
OCH	200.0	24.7	4,940.00	59.1	2.4	4.1%	2.2%
PVI	225.2	17.3	3,895.24	12.5	0.6	5.1%	1.8%
VNR	131.1	24.2	3,172.04	9.9	1.2	12.8%	5.4%
NTP	56.3	50.1	2,822.60	7.2	2.1	23.4%	14.9%
LAS	77.8	34.4	2,677.42	7.5	2.1	25.6%	14.6%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	27.7	1,052.60	6.6	1.1	NA	TH.DOI
AAA	39.6	13.8	546.48	5.1	1.0	NA	TH.DOI
VND	155.0	12.9	1,999.48	11.4	1.1	NA	TH.DOI
NTP	56.3	50.1	2,822.60	7.2	2.1	NA	TH.DOI
PVC	50.0	24.2	1,210.00	6.2	1.4	NA	TH.DOI
DXP	7.9	40.0	315.00	7.6	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	15.22%	85.0	- 494.57	4.39	142,382	277,604	221,956
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	12.53%	47.1	17.73	3.73	596,820	813,851	1,069,490
PVD	HOSE	303.0	18,182.21	11.71%	60.0	7.84	1.70	628,058	1,017,789	808,028
HPG	HOSE	481.9	26,023.04	11.57%	54.0	8.23	2.27	367,115	417,022	463,647
HAG	HOSE	789.9	18,404.65	7.45%	23.3	9.36	1.21	2,475,916	2,495,128	3,038,340
KDC	HOSE	255.2	12,145.67	7.00%	47.6	19.29	1.77	1,594,694	1,290,443	1,180,926
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	5.69%	18.5	8.86	1.23	1,041,094	2,442,281	1,004,437
VCB	HOSE	2,665.0	99,671.76	5.16%	37.4	21.56	2.29	1,505,178	1,346,567	696,953
DPM	HOSE	379.9	12,461.84	4.04%	32.8	10.19	1.32	1,038,947	935,200	702,479
KBC	HOSE	389.8	6,236.16	2.83%	16.0	14.42	1.17	2,216,383	2,313,825	3,644,840
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	2.64%	8.0	47.10	0.73	5,556,317	5,485,776	5,550,608
HSG	HOSE	96.3	4,526.72	1.95%	47.0	11.06	1.91	95,663	110,163	176,154
BVH	HOSE	680.5	23,544.31	1.83%	34.6	19.33	2.03	719,937	607,817	330,135
HVG	HOSE	132.0	2,983.20	1.55%	22.6	11.78	1.42	716,609	1,027,242	1,215,117
FLC	HOSE	314.9	3,369.36	1.53%	10.7	6.28	0.89	11,875,866	10,848,510	14,244,293
PPC	HOSE	318.2	8,558.36	1.47%	26.9	11.41	1.54	959,262	952,084	532,759
DRC	HOSE	83.1	4,569.06	1.41%	55.0	13.34	3.22	26,678	135,332	99,443
PVT	HOSE	255.9	3,505.25	1.37%	13.7	11.78	1.14	2,392,323	2,746,113	2,320,083
CSM	HOSE	67.3	2,846.45	1.32%	42.3	8.12	2.23	104,381	71,372	90,049
VSH	HOSE	206.2	2,887.38	1.16%	14.0	19.01	1.03	269,258	589,034	485,171
OGC	HOSE	300.0	1,860.00	0.56%	6.2	10.44	0.55	9,001,414	7,270,286	6,535,976

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	8.53%	85.0	- 494.57	4.39	142,382	277,604	221,956
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	7.57%	47.1	17.73	3.73	596,820	813,851	1,069,490
VCB	HOSE	2,665.0	99,671.76	7.13%	37.4	21.56	2.29	1,505,178	1,346,567	696,953
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	6.62%	18.5	8.86	1.23	1,041,094	2,442,281	1,004,437
PVS	HNX	446.7	11,971.57	5.75%	26.8	7.29	1.39	2,074,027	2,839,120	2,522,854
BVH	HOSE	680.5	23,544.31	4.51%	34.6	19.33	2.03	719,937	607,817	330,135
DPM	HOSE	379.9	12,461.84	4.25%	32.8	10.19	1.32	1,038,947	935,200	702,479
HAG	HOSE	789.9	18,404.65	4.04%	23.3	9.36	1.21	2,475,916	2,495,128	3,038,340
PVD	HOSE	303.0	18,182.21	3.90%	60.0	7.84	1.70	628,058	1,017,789	808,028
PPC	HOSE	318.2	8,558.36	3.14%	26.9	11.41	1.54	959,262	952,084	532,759
ITA	HOSE	718.9	5,751.25	3.29%	8.0	47.10	0.73	5,556,317	5,485,776	5,550,608
FLC	HOSE	314.9	3,369.36	2.85%	10.7	6.28	0.89	11,875,866	10,848,510	14,244,293
SHB	HNX	886.1	7,797.53	2.54%	8.8	9.64	0.75	5,584,508	4,876,422	3,741,162
VCG	HNX	441.7	5,653.90	2.12%	12.8	8.36	0.98	1,085,951	1,286,400	1,410,608
PVT	HOSE	255.9	3,505.25	1.78%	13.7	11.78	1.14	2,392,323	2,746,113	2,320,083
OGC	HOSE	300.0	1,860.00	143.00%	6.2	10.44	0.55	9,001,414	7,270,286	6,535,976
DRC	HOSE	83.1	4,569.06	1.00%	55.0	13.34	3.22	26,678	135,332	99,443
IJC	HOSE	274.2	3,756.46	0.65%	13.7	21.85	1.28	147,007	344,543	549,504
PVX	HNX	400.0	2,000.00	0.00%	5.0	- 2.14	2.12	5,319,896	4,420,157	5,179,612

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	0.00%	47.1	17.73	3.73	596,820	813,851	1,069,490
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	0.00%	85.0	-494.57	4.39	142,382	277,604	221,956
DPM	HOSE	379.9	12,461.84	0.00%	32.8	10.19	1.32	1,038,947	935,200	702,479
HAG	HOSE	789.9	18,404.65	0.00%	23.3	9.36	1.21	2,475,916	2,495,128	3,038,340
VCB	HOSE	2,665.0	99,671.76	0.00%	37.4	21.56	2.29	1,505,178	1,346,567	696,953
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.00%	18.5	8.86	1.23	1,041,094	2,442,281	1,004,437
BVH	HOSE	680.5	23,544.31	0.00%	34.6	19.33	2.03	719,937	607,817	330,135
CTG	HOSE	3,723.4	57,340.43	0.00%	15.4	10.08	1.00	451,166	311,891	280,301
GAS	HOSE	1,895.0	146,862.50	0.00%	77.5	12.98	4.23	409,736	545,077	501,294

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	735.8	62,543.69	4.01%	85.0	-494.57	4.39	142,382	277,604	221,956
VIC	HOSE	1,454.6	68,509.55	2.27%	47.1	17.73	3.73	596,820	813,851	1,069,490
PVD	HOSE	303.0	18,182.21	4.39%	60.0	7.84	1.70	628,058	1,017,789	808,028
STB	HOSE	1,142.5	21,136.46	0.89%	18.5	8.86	1.23	1,041,094	2,442,281	1,004,437
VCB	HOSE	2,665.0	99,671.76	1.28%	37.4	21.56	2.29	1,505,178	1,346,567	696,953
BVH	HOSE	680.5	23,544.31	1.79%	34.6	19.33	2.03	719,937	607,817	330,135

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **01/12/2010** SLCKVN: **4,752.96 mil.**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTSQL: **4,752.96 mil.**

14 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,772	6.5	0.9	12.6%	8.3%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	22,292	9.6	1.6	17.0%	10.6%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	3,100	15.2	1.0	5.7%	2.2%
Sản xuất giấy	847	6.1	1.0	14.5%	7.9%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,339	12.7	2.0	22.9%	10.9%
Khai khoáng					
Khai thác than	2,026	3.7	1.0	21.6%	5.2%
Khai khoáng	12,433	96.2	6.2	-4.1%	-3.4%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	26,833	14.9	1.6	13.2%	7.3%
Xây dựng	32,531	26.7	1.1	2.0%	2.4%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,202	9.6	1.2	15.9%	7.9%
Công nghiệp phức hợp	984	6.5	1.0	16.9%	12.4%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	2,651	8.1	1.5	18.6%	6.5%
Thiết bị điện	1,751	11.0	1.9	10.1%	4.6%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	74	24.3	1.0	4.1%	2.9%
Máy công nghiệp	8,703	8.8	1.3	15.2%	10.4%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,336	-	2.8	0.9	4.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	10,688	8.4	1.5	18.6%	13.6%
Dịch vụ vận tải	9,383	8.0	2.9	41.0%	29.6%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,613	18.2	1.8	8.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	247	12.8	0.8	7.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	198	9.0	1.0	12.9%	5.1%
Chất thải & Môi trường	221	3.4	1.1	33.5%	15.5%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	2,270	13.6	1.3	14.7%	7.3%
Lốp xe	8,154	10.5	2.7	25.5%	11.0%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,773	7.9	1.4	17.9%	9.6%
Vang & Rượu mạnh	330	16.6	2.2	15.0%	10.0%
Đồ uống & giải khát	234	6.5	1.2	14.6%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	23,055	11.0	2.2	22.8%	7.6%
Thực phẩm	190,384	24.5	4.6	18.5%	14.3%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	64	18.0	0.8	4.4%	3.2%
Thiết bị gia dụng	2,851	7.7	1.2	18.1%	8.7%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	519	62.6	1.4	2.7%	1.9%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,570	8.2	1.6	19.4%	7.6%
Giày dép	10	-	1.4	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	6,147	10.3	2.0	18.9%	9.7%
Thuốc lá					
Thuốc lá	811	-	12.0	1.9%	4.3%

14 January 2015

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,924	9.9	1.1	12.8%	7.2%
Dụng cụ y tế	152	3.2	1.6	36.6%	16.5%
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	212	9.1	1.2	13.8%	10.1%
Dược phẩm	15,514	12.3	2.8	22.3%	14.7%
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	225	35.8	0.7	-2.0%	-0.6%
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	737	10.3	1.2	13.8%	8.1%
Phân phối hàng chuyên dụng	2,711	9.4	1.6	18.7%	3.6%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,106	9.1	1.0	10.1%	6.7%
Du lịch và giải trí					
Hàng không	-	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!	#DIV/0!
Khách sạn	5,665	55.6	2.4	3.9%	2.3%
Dịch vụ giải trí	3,280	20.0	1.3	11.1%	9.3%
Vận tải hành khách & Du lịch	2,737	18.4	3.4	23.4%	20.1%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	41	9.6	0.3	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	715	10.6	0.9	8.7%	3.2%
Internet	429	90.5	1.1	1.1%	0.2%
Phần mềm	17,016	10.2	2.2	21.7%	9.0%
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	461	15.7	0.8	4.6%	1.8%
Thiết bị văn phòng	291	5.6	1.0	19.5%	14.9%
Thiết bị viễn thông	14,770	38.2	8.1	34.7%	11.6%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	29,860	10.4	1.5	15.8%	7.2%
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	155,524	12.7	4.1	32.4%	22.0%
Nước	1,204	6.4	1.1	17.0%	11.7%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,449	8.6	1.0	11.1%	3.3%
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,630	11.3	0.7	6.7%	2.5%
Tái bảo hiểm	3,172	9.9	1.2	12.8%	5.4%
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	24,293	19.3	2.0	10.4%	2.2%
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,556	7.6	1.2	18.8%	13.0%
Môi giới chứng khoán	25,685	10.6	1.4	11.0%	7.4%
Ngân hàng					
Ngân hàng	276,527	13.1	1.5	10.3%	0.9%
Bất động sản					
Bất động sản	158,015	15.5	2.5	17.8%	4.6%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	8	2.0	0.6	32.7%	12.3%
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	33,308	7.5	1.6	21.9%	9.2%

- ▶ **Nguyễn Hữu Quang** **Giám đốc Nghiên cứu & Tư vấn Đầu tư**
quangnh@vietinbanksc.com.vn
- ▶ **Trịnh Thị Thu Phương** thuphuong@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- ▶ **Nguyễn Thu Hằng** hangnnt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Dược phẩm
- Phân bón
- Nước giải khát
- ▶ **Nguyễn Quang Sắc** sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường
- ▶ **Vũ Ánh Nguyệt** nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Cao su
- Thủy sản
- Dệt may
- Mía đường

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.